TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2026/DS-PT
Ngày: 03 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ và bà Trịnh Ngọc Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 432/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 395/2025/QĐXXPT-DS ngày 19/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thanh H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số A Đ, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Phước L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp B, xã B, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 10/6/2024).

2. Bị đơn: Nguyễn Quan N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp P, xã B, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Phùng Quang H1, sinh năm 2002;

3.2. Bà Phùng Thị Tuyết T, sinh năm 1982.

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã B, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Hà Thị Thanh H là nguyên đơn.

(Ông L có mặt; ông N, ông H1 và bà Thanh vắng M).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/10/2024 nguyên đơn, bà Hà Thị Thanh H trình bày:

Vào ngày 12/01/2022 bà Hà Thị Thanh H cho ông Nguyễn Quan N và ông Nguyễn Phùng Quang H1 vay số tiền 700.000.000 đồng, có làm biên nhận do ông N ký tên, trong biên nhận có ghi người vay Nguyễn Phùng Quang H1 nhưng ông H1 không ký tên vào biên nhận. Bà H và ông N thỏa thuận thời gian vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng và bà H đã nhận số tiền lãi là 180.000.000 đồng (ngày cuối cùng nhận lãi là ngày 14/11/2023). Hết thời hạn vay ông N không trả lại bà số tiền vay nên bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quan N, ông Nguyễn Phùng Quang H1 và bà Phùng Thị Tuyết T liên đới trả số tiền gốc 700.000.000 đồng và tính lãi suất 20%/năm từ ngày 27/11/2022 đến khi ông N, ông H1 và bà T trả xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn, ông Nguyễn Quan N trình bày:

Ông xác nhận vào ngày 12/01/2022 ông có vay của bà Hà Thị Thanh H số tiền 700.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất hai bên thỏa thuận là 02%/tháng, có làm biên nhận ngày 12/01/2022. Biên nhận có ghi tên con ông là Nguyễn Phùng Quang H1 nhưng thực tế số tiền vay là của ông, nên ông H1 không ký tên vào biên nhận.

Quá trình vay, có trả lãi hàng tháng, không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Bà H khởi kiện, ông đồng ý trả số tiền 700.000.000 đồng cho bà H, xin phần lãi phát sinh, đối với số tiền lãi đã trả, không yêu cầu xem xét. Không liên quan đến vợ, con ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Phùng Quang H1 và bà Phùng Thị Tuyết T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thanh H.

Buộc ông Nguyễn Quan N có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Thanh H số tiền vốn gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 116.200.000 đồng (một trăm mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Thanh H buộc nghĩa vụ liên

đới đối với ông Nguyễn Phùng Quang H1 và bà Phùng Thị Tuyết T trả số nợ 700.000.000 đồng của ông Nguyễn Quan N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, áp dụng luật thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn bà Hà Thị Thanh H kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, buộc ông N, ông H1 và bà T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H và tính lãi 20%/năm từ ngày 12/12/2023 đến khi tòa xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo đúng quy định pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 86, Điều 234, Điều 273 và Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ biên nhận ngày 12/01/2022 chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Quan N, không có chữ ký của bà Phùng Thị Tuyết T (vợ ông N) và ông Nguyễn Phùng Quang H1 (con ông N) nên cấp sơ thẩm buộc ông N trả nợ vay cho nguyên đơn, bà Hà Thị Thanh H là có căn cứ.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ xem xét.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Hà Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quan N, bà Phùng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Phùng Quang H1 phải liên đới trả số tiền vay 700.000.000đ và tiền lãi. Chứng cứ là Biên nhận ngày 12/01/2022.

[3.2] Ông Nguyễn Quan N thừa nhận số tiền của bà H là do ông thực hiện, không liên quan đến bà T và ông H1.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: biên nhận ngày 12/01/2022 chỉ có chữ ký của ông N, không có chữ ký của bà T và ông H1 là vợ và con ông N. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền ông N vay với mục đích sử dụng chung cho gia đình (cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ liên quan đến vấn đề này).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho bà H cung cấp đoạn ghi âm trên thiết bị di động sau thời điểm xét xử sơ thẩm và cho rằng đó là lời thừa nhận nợ của bà T. Tuy nhiên, bà T vắng mặt và không có căn cứ rõ ràng để xác định đó là giọng nói của bà. Nên Hội đồng xét xử không xem là nguồn chứng cứ để xem xét theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Lẽ ra, cần giữ y Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, về lãi suất cấp sơ thẩm tính lãi 10%/năm là chưa chính xác. Bởi lẽ, nguyên đơn khai cho bị đơn vay 2,5%/tháng, bị đơn thừa nhận vay 2,0%/tháng là thuộc trường hợp có thỏa thuận về lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Cách tính tiền lãi như sau: từ ngày 12/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2025) được tính tròn là 20 tháng. Số tiền gốc 700.000.000 đồng x 1,66% = 11.620.000đ/tháng x 20 tháng = 232.400.000đ (hai trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 932.400.000đ (chín trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận 01 phần đơn kháng cáo của bà H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang về lãi suất.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị giữ y Bản án dân sự sơ thẩm, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quan N phải chịu 39.972.000đ (ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận, bà H không phải chịu theo quy định pháp luật (bà là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần đơn kháng cáo của bà Hà Thị Thanh H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thanh H.

Buộc ông Nguyễn Quan N phải trả cho bà Hà Thị Thanh H số tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 232.400.000 đồng. Tổng cộng là 932.400.000đ (chín trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thanh H về việc buộc ông Nguyễn Phùng Quang H1 và bà Phùng Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Quan N trả số tiền 700.000.000 đồng.

3. Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Quan N phải chịu 39.972.000đ (ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Thanh H không phải chịu (đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm).

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Hai